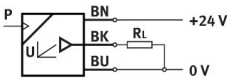


# Cảm biến áp suất SDE5-D10-NF-Q6-V-K

Số bộ phận: 567472

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                        | Giá trị                                               |
|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| Giấy phép                                       | Dấu RCM<br>c UL us - Recognized (OL)                  |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)             | theo chỉ thị EMC của EU<br>theo chỉ thị RoHS của EU   |
| Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)           | theo quy định UK cho EMV<br>theo các quy định UK RoHS |
| Ghi chú vật liệu                                | Tuân thủ RoHS                                         |
| Kích thước đo                                   | Áp suất tương đối                                     |
| Phương pháp đo lường                            | Cảm biến áp suất Piezoresistive                       |
| Dải đo áp suất Giá trị ban đầu                  | 0 bar                                                 |
| Dải đo áp suất Giá trị cuối                     | 10 bar                                                |
| Môi chất vận hành                               | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                  |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển           | Có thể hoạt động bằng dầu                             |
| Nhiệt độ trung bình                             | 0 °C...50 °C                                          |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                  | 0 °C...50 °C                                          |
| Độ chính xác lặp lại theo $\pm$ %FS             | 0.3 %FS                                               |
| Hệ số nhiệt độ tính bằng $\pm$ % FS / K         | 0.05 %FS/K                                            |
| Đầu ra tương tự                                 | 0 - 10 V                                              |
| Đường cong đặc tính giá trị ban đầu của đầu ra  | 0 V                                                   |
| Giá trị cuối của đặc tính đầu ra                | 10 V                                                  |
| Độ chính xác đầu ra analog tính bằng $\pm$ % FS | 3 %FS                                                 |
| Sai số tuyến tính trong $\pm$ % FS              | 0.3 %FS                                               |
| Chống chịu ngắn mạch                            | có                                                    |
| Dải điện áp hoạt động DC                        | 15 V...30 V                                           |
| Chống phân cực                                  | cho tất cả các kết nối điện                           |
| Cổng nối điện                                   | 3 lõi<br>Cáp<br>theo EN 60947-5-2                     |
| Chiều dài cáp                                   | 2.5 m                                                 |
| Kiểu gắn                                        | với phụ kiện                                          |
| Vị trí lắp đặt                                  | bất kỳ                                                |
| Cổng nối khí nén                                | QS-6                                                  |
| trọng lượng sản phẩm                            | 47 g                                                  |

| Đặc tính             | Giá trị                 |
|----------------------|-------------------------|
| Vật liệu vỏ          | PA<br>POM               |
| Chỉ báo sẵn sàng     | LED xanh lá             |
| Mức độ bảo vệ        | IP40                    |
| Lớp chống ăn mòn KBK | 2 - bị ăn mòn vừa phải  |
| Tuân thủ LABS        | VDMA24364-B1/B2-L       |
| Loại phòng sạch      | Loại 4 theo ISO 14644-1 |